TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm, là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở chính: Số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty S.

Địa chỉ: 278 đường N, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty S: Ông Phạm Trường T (Giấy ủy quyền số 1109/2023/UQ-TGĐ ngày 07/7/2023). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Vĩnh L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 37 đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2022 của Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2021, ông Đỗ Vĩnh L có ký với Ngân hàng S (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm

hợp đồng ngày 29/3/2021 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông Đỗ Vĩnh L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế số 526830-5285 và phê duyệt hạn mức tín dụng với số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đỗ Vĩnh L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.048.863 (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 16/9/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ tại thời điểm này là 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (150%x2.6%/tháng = 3.9%/tháng).

Tính đến ngày 29/9/2023, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 32.071.233 (ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: nợ gốc: 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn: 16.077.840 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 16.623.393 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Vĩnh L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29/9/2023 là 32.071.233 (ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: nợ gốc: 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn: 16.077.840 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng xác định chỉ cho cá nhân ông Đỗ Vĩnh L vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông L trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Bị đơn ông Đỗ Vĩnh L đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy

triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S (ông Phạm Trường T) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Đỗ Vĩnh L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà bị đơn đã ký, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Vĩnh L thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn thiếu phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ quy

định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ án trên do Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đến theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 265/2023/QĐST-DS ngày 27/4/2023.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/3/2021, tại mục thông tin cá nhân chủ thẻ chính, ông Đỗ Vĩnh L cung cấp thông tin về nơi cư trú: Địa chỉ hộ khẩu: 37 đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện tại: 226 đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Tại địa chỉ số 226 đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Đỗ Vĩnh L đăng ký hộ khẩu thường trú cũng như thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Mặt khác, trong các tài liệu mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng thì bị đơn có cư trú tại địa chỉ 226 đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Tại địa chỉ 37 đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có nhân khẩu tên Đỗ Vĩnh L, sinh ngày 09/7/1993 đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không thực tế cư trú, hiện đi đâu không rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Như vậy, có cơ sở để xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là nơi bị đơn đăng ký thường trú tại địa chỉ 37 đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Bị đơn ông Đỗ Vĩnh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông L nhưng ông L vắng mặt, không có

ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/3/2021, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) có cơ sở xác định ngày 29/3/2021, Ngân hàng cấp cho ông L thẻ tín dụng số 526830-5285, hạn mức sử dụng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[3.2] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê thẻ số 526830-5285 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định, kể từ ngày kích hoạt thể cho đến nay, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 24.048.863 (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng, ngừng thanh toán kể từ sau ngày 15/4/2021 cho đến nay. Khoản tiền ông L thanh toán được áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ sau, được quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 16/9/2021. Vào thời điểm trên, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Do đó, có cơ sở xác định ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng.

[3.3] Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam, lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế được áp dụng kể từ ngày 15/8/2019 đối với thẻ tín dụng cấp cho ông L là 2.6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/tháng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn tính kể từ ngày 16/9/2021 cho đến ngày 29/9/2023 là 16.077.840 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Vĩnh L phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của thẻ tín dụng quốc tế số 526830-5285 được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/3/2021, tính đến ngày 29/9/2023 là 32.701.233 (ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ một ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: nợ gốc: 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn: 16.077.840 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các

tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[3.5] Về thời hạn trả nợ: Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Vĩnh L phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông L phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 1.635.062 (một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi hai) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

1.1 Buộc ông Đỗ Vĩnh L phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế số 526830-5285 được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 29/3/2021, tính đến ngày 29/9/2023 là 32.701.233 (ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ một ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: nợ gốc: 16.623.393 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn: 16.077.840 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2023, ông Đỗ Vĩnh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Đỗ Vĩnh L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Vĩnh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.635.062 (một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng S không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 629.000 (sáu trăm hai mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0028965 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huế